

Bản án số: 139/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 26- 4-2018
V/v: Tranh chấp, xin ly hôn
Giữa chị N với anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Tấn Tài- kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2017/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp, Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/ 2018/ QĐXXST- HNGĐ ngày 06/3/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Kim N, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Số 70, tổ 3, Khu vực Qui Thạnh 2, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Võ Phi L, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 04, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Chị Lê Kim N đề ngày 12/12/2017 và tại phiên tòa thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Kim N với anh Võ Phi L yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2011, sau đó anh chị đến UBND phường Trung Kiên đăng ký kết hôn trễ hạn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 158/2012, quyền số 01/2012 ngày 20/6/2012. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm

2015 thì hai người phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, đến năm 2017 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, do đó chị N xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Theo chị N trong thời gian sống chung chị với anh L có với nhau hai đứa con chung tên Võ Chí K, sinh ngày 02 /6/2012 và Võ Kim T, sinh ngày 26/8/2014 hiện cả hai cháu đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cả hai đứa con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Theo chị N, chị với anh L không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Võ Phi L được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện VKS: Về tố tụng thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi mở phiên tòa xét xử và tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng theo trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1]Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của chị Lê Kim N đề ngày 12/12/2017 xin ly hôn với anh Võ Phi L vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Theo biên bản xác minh ngày 27/02/2018 thì anh L thường hay đi làm ăn xa rồi về, anh L không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 06 tháng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Chị Lê Kim N với anh Võ Phi L yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2011, sau đó anh chị đến UBND phường Trung Kiên đăng ký kết hôn trễ hạn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 158/2012, quyển số 01/2012 ngày 20/6/2012. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, đến năm 2017 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, do đó chị N xin được ly hôn với anh L.

Anh Võ Phi L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến quan điểm của mình nhưng theo chị N trình bày phần trên thì tình cảm giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và anh chị sống gượng gạo đến năm 2017 thì không còn sống chung cho đến nay. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị N với anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị N xin ly hôn với anh L là hợp lý. Được HĐXX chấp nhận, nghĩ nên cho chị N ly hôn với anh L là phù hợp

[4]. Về con chung: Theo chị N trong thời gian sống chung chị với anh L có với nhau hai đứa con chung tên Võ Chí K, sinh ngày 02 /6/2012 và Võ Kim T, sinh ngày 26/8/2014 hiện cả hai cháu đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cả hai đứa con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cả hai cháu K và T hiện đang sống với chị N, cuộc sống cũng như môi trường sống của hai cháu đang ổn định, vì vậy HĐXX nghĩ nên giao hai cháu K và T cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý. “ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh L có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”

Việc chị N yêu cầu được nuôi con mà không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con xét thấy sự tự nguyện của chị N là hợp lý nên được HĐXX công nhận.

[5]. Về tài sản và nợ chung: Theo chị Lê Kim N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết trong bản án này. Sau này nếu anh L cho rằng giữa anh với chị N có tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh L vẫn có quyền khởi kiện chị N ra Tòa án để yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Lê Kim N là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001523 ngày 19/12/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Kim N được ly hôn với anh Võ Phi L.

2. Về con chung: Giao hai cháu tên Võ Chí K, sinh ngày 02/6/2012 và Võ Kim T, sinh ngày 26/8/2014 cho chị Lê Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của chị Lê Kim N mà không yêu cầu anh Võ Phi L cấp dưỡng nuôi con. “ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh L có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì anh Võ Phi L vẫn có quyền khởi kiện chị Lê Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật;

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Kim N phải chịu 300.000 đồng, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001523 ngày 19/12/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Lê Kim N có quyền kháng cáo. Riêng anh Võ Phi L vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- THA thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh